

BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT HỆ THỐNG THÀNH HOÀNG Ở QUẢNG BÌNH QUA TƯ LIỆU HÁN NÔM

NGUYỄN VĂN TUÂN
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Đặt vấn đề

Trong các loại hình tín ngưỡng ở nước ta, tín ngưỡng Thành hoàng là một trong các tín ngưỡng phổ biến rộng khắp trên mọi miền đất nước. Thế nhưng, ở mỗi một vùng miền lại có những nét đặc trưng riêng, góp phần làm phong phú đa dạng văn hóa truyền thống dân tộc.

Quảng Bình là một trong những tỉnh sớm có nhiều cơ sở thờ tự để thực thi tín ngưỡng Thành hoàng. Vấn đề này được ghi chép rất rõ trong các tài liệu Hán Nôm mà hiện nay vẫn còn đang lưu trữ được. Để góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung, Quảng Bình nói riêng, việc căn cứ vào tài liệu Hán Nôm để tìm ra sự tích của các vị Thành hoàng mà nhân dân Quảng Bình tôn thờ là việc cần thiết. Bài viết này, chúng tôi bước đầu tiến hành khảo sát hệ thống Thành hoàng ở Quảng Bình qua tư liệu Hán Nôm hiện đang lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Thông Tin Khoa học xã hội và qua một số Thần sắc đang nằm rải rác ở các địa phương trong tỉnh, nhằm cung cấp những thông tin hữu ích tới các nhà nghiên cứu quan tâm tham khảo.

1. Nguồn tư liệu Hán Nôm ghi chép về Thành hoàng ở Quảng Bình

Tư liệu Hán Nôm chép về sự tích của các vị Thành hoàng được ghi trong nhiều thể loại sách khác nhau, như: *Bách thần lục*, *Đại Nam thần lục*... song phổ biến nhất vẫn là *Thần tích* (Thần phả, Ngọc phả). Qua khảo sát tư liệu Hán Nôm chép về sự tích của các vị Thành hoàng ở Quảng Bình, chúng tôi thấy tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm có cuốn *大南神錄 Đại Nam thần lục* (ký hiệu A.2913), ghi chép ở

Quảng Bình có 494 cơ sở thờ tự Thành hoàng và lai lịch của từng vị thần, gồm: huyện Phong Lộc (164 làng), huyện Phong Đăng (71 làng), huyện Lệ Thủy (116 làng), huyện Bố Trạch (72 làng), huyện Minh Chánh (42 làng), huyện Bình Chánh (28 làng), huyện Minh Hóa (01 làng).

Ngoài ra, ở Viện Thông tin Khoa học xã hội theo con số mà chúng tôi tra được, có 23 bản kê khai *Thần tích - Thần sắc* của Hương lý nộp cho Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp tại Hà Nội vào năm 1938, gồm: huyện Bố Trạch (02 làng), huyện Tuyên Hóa (03 làng), huyện Phong Lộc (04 làng), huyện Phong Phú (02 làng), huyện Lệ Thủy (02 làng), huyện Bình Chánh (04 làng), huyện Minh Chánh (06 làng).

Đối với địa phương, qua điều tra khảo sát của chúng tôi, hiện chưa thấy một bản *Thần tích* nào ghi bằng chữ Hán Nôm. Duy chỉ thấy có 108 đạo *Thần sắc* (Sắc phong) ở các thời kỳ: Thiệu Trị (1841 - 1847) 4 đạo, Tự Đức (1848 - 1883) 9 đạo, Đồng Khánh (1886 - 1888) 9 đạo, Thành Thái (1889 - 1906) 7 đạo, Duy Tân (1907 - 1915) 26 đạo, Khải Định (1916 - 1925) 52 đạo, Bảo Đại (1926 - 1944) còn 1 đạo. Ngoài ra còn thấy có hai tấm bia ghi chép chút ít về sự tích Thành hoàng của hai thôn là 雙忠廟碑 *Song trung miếu bi*, tạo năm Cảnh Hưng 17 (1756), dựng tại miếu thôn Trung Tiến, xã Phù Hóa, huyện Quảng Trạch và bia 四朝元老 *Tứ triều nguyên lão*, tạo năm Tự Đức 5 (1852), dựng tại lăng mộ Trung Bình hầu Trần Văn Năm ở xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy.

Như trên cho thấy, nguồn tư liệu Hán Nôm ghi chép về sự tích của các vị Thành hoàng ở Quảng Bình còn lại cho đến ngày nay không

hiều. Tuy nhiên, với số liệu hiện có này, chúng ta tiến hành khảo sát cũng sẽ góp phần làm rõ được hệ thống Thành hoàng trong tỉnh Quảng Bình.

2. Khảo sát hệ thống Thành hoàng ở Quảng Bình

Căn cứ vào những tài liệu hiện có, chúng tôi thấy Thành hoàng ở Quảng Bình có nhiều nguồn gốc khác nhau, thể hiện nét văn hóa đặc trưng của một vùng. Để dễ nhận diện cũng như thấy được những nét đặc thù riêng, chúng tôi chia thành năm loại hình chính, gồm: Thành hoàng có nguồn gốc từ Thiên thần, Thành hoàng có nguồn gốc từ Nhiên thần (tức nguồn gốc tự nhiên), Thành hoàng có nguồn gốc Nhân thần, Thành hoàng có nguồn gốc khác.

2.1. Thành hoàng là Thiên thần

“Thiên” là trời, tức là các vị thần có nguồn gốc từ trời, trong đó kể cả các vị chưa được “nhân hóa” hay đã được nhân hóa (mang dáng vẻ con người, thậm chí sống đời sống của con người). Qua khảo sát, chúng tôi thấy toàn tỉnh Quảng Bình có 55 làng thờ Thành hoàng có nguồn gốc từ Thiên thần, gồm: Cửu Thiên Huyền Nữ có 3 làng thờ tự; Liễu Hạnh công chúa có 1 thôn Vĩnh Sơn, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch thờ tự; Thiên Y A Na Diên Ngọc Phi có làng An Xá, tổng Đại Phong Lộc, huyện Lệ Thủy thờ tự; Ngũ hành (Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ) có 50 làng thờ tự. Thế nhưng, thờ đầy đủ cả 5 vị thì chỉ có hai nơi là Cổ Hiền, tổng Trung Quán và ấp Tráng Tiệp, tổng Võ Xá; 10 nơi khác thờ theo cặp đôi Hỏa Đức tôn thần và Thổ Đức tôn thần, còn lại 35 nơi chỉ thấy thờ riêng lẻ hoặc Hỏa Đức, hoặc Thổ Đức tôn thần.

2.2. Thành hoàng là Nhiên thần

Các Thành hoàng có nguồn gốc từ Nhiên thần là các vị thần mang dạng thần Núi (Sơn thần), thần Nước (Thủy thần), thần Đất (Thổ thần). Ở Quảng Bình, chúng tôi thấy có những trường hợp như sau:

- Thành hoàng là Sơn thần, có 103 nơi thờ tự với các tên gọi khác nhau, trong đó gọi Cao

Sơn chi thần (8 nơi thờ), Cao Các tôn thần (88 nơi thờ), Cao Các Mạc Sơn chi thần (13 nơi thờ).

- Thành hoàng là Thủy thần, có 9 nơi thờ tự, trong đó có 4 nơi thờ Động Đình Thủy Tộc Long Quân, 5 nơi thờ ngũ vị Long Vương (Nhất lang Long Vương, Nhị lang Long Vương, Tam lang Long Vương, Tứ lang Long Vương). Liên quan đến Thủy thần, ở Quảng Bình còn có 11 nơi thờ Đông Nam Sát Hải nhị đại tướng quân, 10 nơi thờ Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân chi thần, 1 xã Vạn Xuân, tổng Hành Phố, huyện Phong Đăng thờ Hà Bá Thủy quan tôn thần.

- Thành hoàng là Thổ thần, có 9 nơi thờ tự Thổ Địa chi thần, nguyên phong tặng “Hậu tế Quảng thí Bác huệ chi thần”. Ngoài ra, liên quan đến Thổ thần, chúng tôi thấy còn có những nhân vật lịch sử có thật được triều đình phong kiến tôn làm Thổ địa của một làng, như ở xã Mỹ Lộc, tổng Mỹ Lộc và xã Pháp Kệ, tổng Lũ Đăng đều phụng thờ Đương cảnh Thổ địa chính thần Bùi Tướng quân tôn thần, nguyên phong “Đôn ngưng Dực bảo Trung hưng chi thần”, gia tặng “Quang ý Trung đẳng thần”.

2.3. Thành hoàng là Nhân thần

Ở Quảng Bình, Thành hoàng có nguồn gốc Nhân thần chiếm số lượng lớn nhất so với hai loại nguồn gốc đã kể ở trên. Song trong số các Thành hoàng là nhân thần này, nếu căn vào xuất xứ, công tích thì có thể phân chia thành các thành phần như sau:

- Thành hoàng du nhập từ Bắc vào: Trong quá trình di dân từ miền Bắc vào Quảng Bình định cư sinh sống, một số Thành hoàng vốn đang được thờ ở ngoài Bắc đã được những người di cư đem theo về ngụ cư ở mảnh đất này. Nghĩa là, khi những người dân di cư, họ mang theo sự tín ngưỡng của cố hương. Khi họ đối diện với mọi thứ mới lạ của một vùng đất mới, họ sợ hãi trước thiên nhiên, nên họ đã lập ra những ngôi miếu, ngôi đền để thờ vọng vị Thành hoàng ở cố hương để cầu mong được sự che chở của thần, giúp họ vượt qua được

mọi khó khăn về tinh thần. Do đó, ở Quảng Bình đã dần xuất hiện những vị Thành hoàng có xuất xứ ở ngoài Bắc được du nhập (chiếm khoảng 20%). Những vị thần này có thể kể đến, như: Đại Càn Quốc Gia Nam Hải tứ vị tôn thần, sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, viết: Tháng 6 năm Hưng Long 20 (1312), “lập đền thờ thần ở cửa biển Càn Hải. Trước đây, vua đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Càn Hải (trước là Càn, tránh tên húy đổi là Càn), đóng quân lại, đêm nằm mơ thấy một thần nữ khóc lóc nói với vua: “Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp phải sóng gió, trôi dạt đến đây. Thượng đế phong thiếp làm thần biển đã lâu. Nay bệ hạ mang quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công”. Tỉnh dậy, vua cho gọi các bô lão tới hỏi sự thực, cho tế, rồi lên đường. Biển vì thế không nổi sóng. (Quân vua) tiên thắng tới thành Đồ Bàn, bắt được (chúa Chiêm) đem về. Đến nay, sai Hữu ty lập đền, bốn mùa cúng tế”. Hoặc như Phụ Quốc Thượng Tể tôn thần, sách *Đại Nam thần lục*, chép: “Phụ Quốc Thượng Tể tôn thần, nguyên phong tặng là Phụ đức An dân Đôn cung Hoàng vĩ. Ngài vốn là người ở Phong Châu, là người có võ nghệ và dũng cảm tuyệt vời. Vào năm niên hiệu Hưng Khánh đời Trần (1407), quân giặc phương Bắc tới xâm lược, ngài cùng với Lân Hồ hầu chung sức đánh giặc. Giặc Bắc tan chạy... Sau khi ngài hóa, vua Trần truy nhớ công lao của ngài, phong cho là Phụ quốc Thượng tể, đưa tới xã Hoắc Châu lập đền thờ”. Lại như Khuông Quốc tôn thần (tức Lý Nhật Quang), là con trai thứ tám của vua Lý Thái Tổ. Sự tích của ngài, sách *Đại Nam thần lục*, viết: “Khuông Quốc tôn thần, nguyên phong tặng là Cương kiện Trung liệt Biên giới Tráng vũ. Ngài là con của vua Lý Thái Tổ. Ngài cai quản xứ Nghệ An xưa, rất được nhân dân ái mộ, ngài đánh giặc có công lớn, được tiến phong tước Vương. Sau khi ngài mất, ngài trở thành thần linh ứng. Ở làng Tả Ao, nơi trước đã có đồn binh đóng quân, dân lập đền thờ. Triều vua Lê đánh giặc thì

ngài trở thành oai ra giúp sức. Các triều sau mấy lần phong ngài là “Tá thánh Khuông quốc Thượng đẳng thần” (Thần giúp vua giữ nước xếp bậc Thượng đẳng). Từ xưa đến nay vẫn giữ lệ thờ cúng ngài. Mỗi khi địa phương nhân dân ai có việc gì cầu xin thì luôn linh ứng”...

- *Thành hoàng vốn để lại dấu tích trên địa bàn tỉnh*: Để xác định các Thành hoàng vốn để lại dấu tích trên địa bàn tỉnh, chúng tôi quan niệm rằng, những vị Thành hoàng này không sinh ra trên địa bàn tỉnh, nhưng có những đóng góp lớn với đất nước, đặc biệt là với nhân dân tỉnh Quảng Bình, được nhân tôn thờ làm Thành hoàng. Ở trường hợp này (chiếm khoảng 50%), ví như: Nguyễn Hữu Tiên, người xã Vân Trai, huyện Ngọc Sơn (nay là huyện Đông Sơn, Thanh Hóa), người thống suất đạo Lưu Đồn chống quân Trịnh. Từng được phong là Hiệp mưu tán lý công thần, Đặc tiến Tả quân Đô đốc phủ Chương phủ sự, Tiết chế, Thuận Quận công. Sau khi mất được nhân dân địa phương lập đền thờ, gọi là đền Anh Quốc công ở ấp Tráng Tiệp, huyện Phong Lộc; Nguyễn Phục (tức Kỷ Mùi khoa Tiến sĩ Phi Vận Tướng quân Tùng Giang Văn Trung tôn thần), quê ở xã Đoàn Tùng, huyện Gia Phúc (sau đổi là Gia Lộc), xứ Hải Dương. Năm Thái Hoà thứ 10 (1453), thi đậu Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ, làm quan tới chức Hàn lâm viện Đông các đại học sĩ. Khi vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, ngài giữ chức Tán lý, chỉ huy đội thủy binh vận chuyển lương thực. Lúc đoàn thuyền của ngài vào đến cửa biển Tư Dung thì sóng to gió lớn nổi lên, thuyền tiến lên rất khó khăn, chực quân sợ hãi, ngài phải cho thuyền tránh vào chỗ khuất ẩn tạm, kéo sợ cả đoàn “làm mồi cho cá”. Lúc bấy giờ, đại quân đi trước bị thiếu lương thực. Nhà vua nổi giận, khép ngài vào tội sai hẹn mà xử trảm. Sau này nhà vua hối lại sự vô tội của ngài bèn truy phong làm Đông Hải đại vương. Đồng thời truyền chỉ, những địa phương nào ngày trước ngài đã từng đến ở thì cho rước xác về lập đền thờ phụng. Trong số các nơi thờ ngài thì Quảng

Bình có 37 nơi thờ; Trần Bang Cản, người ở tỉnh Hải Dương, là Thượng thư Hành khiển đời Lê Thánh Tông, đầu niên hiệu Hồng Đức (1470), vua Lê Thánh Tông phong làm Bình Lôi Nha Vương đem quân vào đánh dẹp giặc Lôi. Sau khi dẹp yên giặc, ngài thấy nơi đây phong cảnh tự nhiên, đất đai rộng rãi, bèn dâng sớ xin phép lưu cư khai thác, lấy quân làm dân, khẩn hoang làm ruộng rồi đặt tên là làng Vĩnh Khang (sau vì kiêng húy nên đổi là Vĩnh Lộc), tổng Thuận Thị, huyện Minh Chánh, phủ Quảng Trạch. Sau khi ngài mất, dân làng táng ngài ở xứ Thượng Tự ngay đầu làng và dựng miếu thờ, tôn làm “Bản thổ Thành hoàng linh thần”; Tam vị uy minh sung tước lộc Đô nguyên soái, kiêm Tri vũ lộ Thành hoàng chi thần; Đương cảnh thổ địa chính thần Bùi tướng quân tôn thần; Tả đô Nguyên soái Tri phủ Phạm quý công;... Qua khảo sát của chúng tôi, những vị Thành hoàng ở dạng thức này đa phần đều là những vị tướng lĩnh vừa có công bảo vệ chủ quyền của đất nước, lại vừa có công khai khẩn lập làng, tạo dựng cho Quảng Bình những phát triển cho tương lai.

- *Thành hoàng xuất thân từ bản địa*: Để phân định được những vị Thành hoàng xuất thân từ bản địa, chúng tôi căn cứ vào những vị Thành hoàng phải là người được sinh ra trên đất Quảng Bình, cho dù quê gốc ở bất kỳ nơi nào trong nước. Xét về dạng thức này, chúng tôi thấy có chiếm khoảng 28% trên toàn địa bàn tỉnh, các vị này như: Hoàng Vĩnh Tộ, người xã Phù Kinh thuộc châu Bố Chính (nay là thôn Trung Tiến, xã Phù Hóa, huyện Quảng Trạch). Khi Nguyễn Kim kêu gọi phù Lê diệt Mạc, ông đã cùng con trai là Hoàng Vĩnh Dự ra nhập đầu quân và lập được nhiều công lớn. Năm Thuận Đức nguyên niên (1600), ông được phong làm Hiệp Mưu Dương Vũ công thần, Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm y vệ, tước Hầu. Năm Vĩnh Tộ thứ 10 (1628), Hoàng Vĩnh Dự được phong làm Dương vũ uy dũng tán trị công thần đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân điện tiền đô hiệu

điểm ti Tả hiệu điểm, tước Hầu. Khi ông qua đời được truy phong tước Hoàng Dũng Đại Vương tôn thần và lập miếu Song Trung để thờ tự; Trần Bình Năm, người làng Phan Xá, tổng Khang Lộc, phủ Tân Bình (nay là xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy), là con trai của Trần Bình Hoán, tổ thợ rèn làng Phan Xá, sau vào Gia Định lập nghiệp và phò Nguyễn Ánh, được Nguyễn Ánh phong làm Cai cơ chánh quản Bắc thành đô giá Trung bình. Trong những lúc còn tại chức, ông thường xuyên về quê Phan Xá giúp đỡ nhiều việc cho dân làng. Sau khi ông mất, nhân dân làng Phan Xá tôn thờ ông làm Thành Hoàng bản thổ, thờ ở đình làng; Đoàn Mậu, người làng Tiên Lệ, tổng Thuận Lệ, phủ Quảng Trạch, là con trai của Quán giáp Nghi Trung bá. Đoàn Mậu là Phó tướng thủy cơ Hậu Nội thời vua Lê Thế Tông (1573 - 1600), tước Thiếu Bảo. Ngài có tài bơi lội hơn người. Năm Tân Sửu (1601), đời vua Lê Kính Tông (1600 - 1619), Ngài nhận chức Đại tướng. Sau khi mất, được sắc phong làm Bản thổ Thành hoàng tiền hậu trung đẳng thần; Nguyễn Khắc Minh; Nguyễn Giảng;...

2.4. Thành hoàng có nguồn gốc khác

Trong số các Thành hoàng ở Quảng Bình còn có một trường hợp rất đặc biệt được xuất thân từ một loài chim (Kim Ô). Đó là trường hợp ở làng Minh Cầm, tổng Thượng Lưu, huyện Tuyên Hóa phụng thờ Kim Ô Trung đẳng thần, nguyên phong tặng là Quang ý Trung đẳng thần.

Về sự tích của thần, bản *Thần tích - Thần sắc* lưu trữ tại Viện Thông tin Khoa học xã hội có đoạn chép: “làng này (làng Minh Cầm) hồi còn thuộc về đất Bắc châu Bố Chính, ở dưới chân núi Động Hương có một chỗ cây cối rậm rạp (dân gọi là Huyền Vũ). Một hôm có một con quạ vàng, mỏ đỏ bay về đậu trên một cây cao kêu mấy ngày rồi chết khô ở trên cây, sau thành thần, ứng đồng lên, tự xưng là “Kim Ô đại tướng” và nói có thể cứu dân thoát khỏi bệnh hoạn, như là thiên thời, dịch tả... dân bèn lập miếu tranh mà thờ thì thấy hiển linh. Phàm

hễ trong làng có ai ốm đau mà đến kêu cầu thì đều hiệu quả, nên lập miếu bằng ngói để thờ cúng”. Có thể nói, đây là một trường hợp ít gặp trong hệ thống thần tích Việt Nam nói chung, Quảng Bình nói riêng.

Qua đây có thể thấy, tín ngưỡng Thành hoàng ở Quảng Bình mang tính đa nguyên, thể hiện sự cởi mở tràn đầy tinh thần nhân đạo và nhân văn của người Việt. Thiết nghĩ, cho dù là thần linh bản địa hay thần linh ngoại bang thì đều được ứng xử phù hợp với đặc điểm tín ngưỡng của người Việt với ước vọng cầu mong sự bình an, mọi điều tốt lành trong cuộc sống.

Kết luận

Thông qua việc phân loại như đã trình bày ở trên, chúng tôi thấy tín ngưỡng Thành hoàng ở Quảng Bình có từ nhiều nguồn gốc khác nhau, thể hiện tính đa nguyên và có những đặc trưng nổi bật như sau:

Thứ nhất, Quảng Bình ngày nay vốn xưa được hình thành từ thời Lý, muộn hơn so với miền Bắc và do dân Bắc di cư vào khai khẩn tạo lập lên làng xã, tín ngưỡng Thành hoàng cũng theo đó mà hình thành và phát triển. Thế nhưng, không giống như miền Bắc, ở Quảng Bình chỉ thấy người dân thờ những nhân vật lịch sử gắn với quá trình hình thành và phát triển làng xã từ thời Lý trở về sau, như: Uy Minh Vương (tức Lý Nhật Quang), Tô Đại Liêu (tức Tô Hiến Thành), Đại hành khiển Thượng thư Tả bộc xạ Trần Bang Cấn, Lê Văn Hành, Hoàng Vĩnh Tộ, Nguyễn Đức Tuân,... và tập trung chủ yếu từ thế kỷ XI đến thế kỷ XVI.

Thứ hai, các vị Thành hoàng ở Quảng Bình đa phần gắn liền với các vị tướng lĩnh vừa có công bảo vệ đất nước lại vừa có công khai khẩn lập làng với môtip “khi chiến trận trở về, thấy nơi đây phong cảnh đẹp, đất đai trù phú, bèn xin nhà vua được ở lại mảnh đất này để khai hoang lập ấp...”, ví dụ như: Trần Bang Cấn, người ở tỉnh Hải Dương, là Thượng thư Hành khiển đời Lê Thánh Tông, đầu niên hiệu Hồng Đức (1470), vua Lê Thánh Tông phong làm

Bình Lôi Nha Vương đem quân vào đánh dẹp giặc Lôi. Sau khi dẹp yên giặc, ngài thấy nơi đây phong cảnh tự nhiên, đất đai rộng rãi, bèn dâng sớ xin phép lưu cư khai thác, lấy quân làm dân, khẩn hoang làm ruộng rồi đặt tên là làng Vĩnh Khang (sau đổi là Vĩnh Lộc)...

Thứ ba, các vị Thành hoàng có nguồn gốc từ thiên thần và nhiên thần ở miền Bắc thường gắn với lịch sử dân tộc thời dựng nước như Sơn Tinh - Thủy Tinh, Thánh Gióng... thì ở Quảng Bình lại thấy thờ Cửu Thiên Huyền Nữ, Liễu Hạnh công chúa, Ngũ Hành, Cao Sơn Cao Các... Đặc biệt, ở Quảng Bình, ngoài các vị thần có gốc từ người Việt còn thấy xuất hiện cả thần có gốc của người Chăm là Thiên Y A Na. Qua đó có thể thấy, một trong những đặc tính đã làm nên sức mạnh của văn hóa Việt là khả năng tiếp thu, chắt lọc những tinh hoa của nền văn hóa khác để biến thành cái của mình. Khi vào tiếp quản Quảng Bình và dần dần chiếm lĩnh cả Đàng Trong, người Việt đã phải đương đầu với một bối cảnh xã hội hoàn toàn mới. Nền văn hóa bản địa vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc văn minh Ấn Độ của người Chăm và các dân tộc thiểu số có nhiều điểm khác xa với văn hóa Việt, vốn mang nặng ảnh hưởng của nền văn hóa Nho giáo. Tuy nhiên, người Việt đã khéo léo biết kế thừa, tiếp thu những điểm ưu việt hay có lợi trong nền văn hóa bản địa để phục vụ cho sự phát triển của mình.

Có thể nói, nằm trong dòng chảy văn hóa miền Trung nói riêng, Việt Nam nói chung, tín ngưỡng Thành hoàng của cư dân Quảng Bình ngoài mang những đặc điểm tương đồng với các tỉnh thành khác của Việt Nam, như về loại hình tín ngưỡng, đối tượng tôn thờ, cách thức thờ phụng, nghi thức tế lễ... còn mang những đặc trưng riêng, thể hiện tính đa sắc thái đan xen các yếu tố núi, biển, đồng bằng; sự hiện diện của dấu ấn văn hóa Chăm; sự hòa quện của các lớp tư tưởng Nho, Phật, Đạo. Vậy nên, tìm hiểu hệ thống Thành hoàng ở Quảng Bình chúng ta sẽ thấy được những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc ■